

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành danh mục TTHC được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND xã

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định công bố, bãi bỏ, thay thế,... của Ủy ban nhân dân tỉnh về các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân xã;

Theo đề nghị của Công chức Văn phòng – Thống kê UBND xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành danh mục TTHC được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân xã:

(Có phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Công chức Văn phòng-Thống kê UBND xã, bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả xã và các cán bộ, công chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TV Đảng ủy;
- TT HĐND, UBND xã;
- Chủ tịch và các PCT;
- Các đoàn thể xã;
- Bộ phận TN&TKQ xã;
- Trang TTĐT xã;
- Lưu: Vp.

CHỦ TỊCH

Hoàng Sa

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT ĐƯA VÀO TIẾP NHẬN VÀ
TRẢ KẾT QUẢ TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA UBND XÃ
(Kèm theo Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2024 của UBND xã)

STT	Tên TTHC	Mã số TTHC	Cơ quan giải quyết
I	Lĩnh vực Hộ tịch		Cấp xã
	TTHC không liên thông: 17 TTHC		
1	Đăng ký khai sinh	1.001193	
2	Đăng ký kết hôn	1.000894	
3	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.001022	
4	Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	1.000689	
5	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	1.003583	
6	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	1.000593	
7	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	1.000419	
8	Đăng ký khai tử	1.000656	
9	Đăng ký giám hộ	1.004837	
10	Đăng ký chấm dứt giám hộ	1.004845	
11	Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	1.004859	

12	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	1.004873	
13	Đăng ký lại khai sinh	1.004884	
14	Đăng ký lại kết hôn	1.004746	
15	Đăng ký lại khai tử	1.005461	
16	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	1.004772	
17	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	2.000635	
	TTHC liên thông: 5 TTHC		Cấp xã
18	Liên thông TTHC về Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú cấp thẻ BH YT cho trẻ em dưới 6 tuổi		
19	Liên thông TTHC về Đăng ký khai sinh, cấp thẻ BH YT cho trẻ em dưới 6 tuổi		
20	Liên thông 3 TTHC về khai tử, xóa thường trú, hưởng chế độ tử tuất/mai táng phí		
21	Liên thông 2 TTHC về khai tử, xóa thường trú		
22	Liên thông 2 TTHC về khai tử, hưởng chế độ tử tuất/mai táng phí		
II	Lĩnh vực nuôi con nuôi: 03 TTHC		Cấp xã
23	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	2.001263	
24	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	2.001255	
25	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	1.003005	
III	Lĩnh vực chứng thực: 11 TTHC		Cấp xã
26	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	2.000927	

27	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực		
28	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	2.000815	
29	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	2.001009	
30	Chứng thực văn bản khai nhận di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	2.001406	
31	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	2.001016	
32	Chứng thực di chúc	2.001019	
33	Chứng thực hợp đồng giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	2.001035	
34	Chứng thực việc sửa đổi , bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	2.000913	
35	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ , văn bản	2.000884	
36	Cấp bản sao từ sổ gốc	2.000908	
IV	Lĩnh vực Phổ biến giáo dục pháp luật: 02 TTHC		Cấp xã
37	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật	2.001457	
38	Cho miễn nhiệm tuyên truyền viên pháp luật	2.001449	
V	Lĩnh vực hòa giải cơ sở: 04 TTHC		Cấp xã
39	Công nhận hòa giải viên	2.000373	
40	Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	2.000333	
41	Thôi làm hòa giải viên	2.000930	

42	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên	2.002080	
VI	Lĩnh vực bồi thường nhà nước: 01 TTHC		Cấp xã
43	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	2.002165	
VII	Lĩnh vực bảo trợ xã hội: 16 TTHC (08 TT không liên thông và 08 TT liên thông)		Cấp xã
	TTHC không liên thông:		
44	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	1.011606	
45	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	1.011607	
46	Thủ tục “Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn”	2.000355	
47	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật	1.0001699	
48	Cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	1.001653	
49	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	2.000751	
50	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	1.011608	
51	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	1.011609	

	TTHC liên thông:		
52	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, huyện		
53	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, huyện		
54	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng		
55	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh		
56	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		
57	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội		
58	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp		
59	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	2.000744	
VIII	Lĩnh vực Bảo vệ chăm sóc trẻ em: 06 TTHC		Cấp xã
60	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	1.004946	

61	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	1.004944	
62	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.	2.001947	
63	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc, thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	1.004941	
64	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	2.001944	
65	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc, thay thế	2.001942	
IX	Lĩnh vực người có công: 24 TTHC (01 TT không liên thông; 23 TT liên thông)		
	TTHC không liên thông: 01 TTHC		Cấp xã
66	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	1.010833	
	TTHC liên thông: 23 TTHC		
67	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với Cựu chiến binh		
68	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp		
69	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang Lào, Căm-pu-chia		
70	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ		
71	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ		
72	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng		

	danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”		
73	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng		
74	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân		
75	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần		
76	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an		
77	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an		
78	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý		
79	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động – TB&XH quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ		
80	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng		
81	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến		
82	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến		
83	Công nhận và Giải quyết chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		
84	Công nhận và Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ		

	người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		
85	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sỹ		
86	Thủ tục giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		
87	Đề nghị tặng, truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”		
88	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày		
89	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế		
X	Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội: 04 TTHC (03 không liên thông; 01 liên thông)		
	TTHC không liên thông: 03 TTHC		Cấp xã
90	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	1.000132	
91	Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng		
92	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện (QĐ 1603)	1.010941	
	TTHC liên thông: 01 TTHC		
93	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân		

XI	Lĩnh vực đất đai: 23 TTHC (02 TT không liên thông, 21 TT liên thông)		
	TTHC không liên thông: 2 TTHC		Cấp xã
94	Thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai tại UBND cấp xã	1.003554	
95	Cung cấp dữ liệu thông tin đất đai	1.004269	
	TTHC liên thông: 21 TTHC		
96	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm		
97	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế		
98	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất		
99	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận		
100	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề		
101	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất		
102	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu		
103	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng		

	đất lần đầu		
104	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất		
105	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp		
106	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở		
107	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định		
108	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận.		
109	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án;		

	chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp		
110	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất		
111	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền		
112	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất		
113	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu		
114	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện “dồn điền đổi thửa” (đồng loạt)		
115	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân		
116	Đính chính giấy CN quyền sử dụng đất đã cấp (1.004193)		
XII	Lĩnh vực Nông nghiệp: 01 TTHC		Cấp xã
117	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	1.003596	
XIII	Lĩnh vực Thủy lợi: 03 TTHC		
118	Hỗ trợ đầu tư, xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương phân bổ cho UBND cấp xã thực hiện)	2.001621	
119	Thẩm định, phê duyệt ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	2.000206	

120	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền UBND cấp xã	2.000184	
XIV	Lĩnh vực Tôn giáo, tín ngưỡng: 10 TTHC		
121	Đăng ký hoạt động tín ngưỡng	2.000509	
122	Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	1.001028	
123	Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	1.001055	
124	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	1.001078	
125	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	1.001085	
126	Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	1.001090	
127	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	1.001098	
128	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	1.001109	
129	Thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	1.001156	
130	Thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	1.001167	
XV	Lĩnh vực Thi đua khen thưởng: 5 TTHC		Cấp xã
131	Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã theo công trạng	1.000775	

132	Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo chuyên đề	2.000346	
133	Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất	2.000337	
134	Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND xã cho hộ gia đình	1.000748	
135	Xét tặng danh hiệu lao động tiên tiến (2.000305)	2.000305	
XVI	Lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo: 05 TTHC		Cấp xã
136	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	1.004441	
137	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	1.004492	
138	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	1.004443	
139	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	1.004047	
140	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	2.001810	
XVII	Lĩnh vực Y tế: 01 TTHC		Cấp xã
141	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	2.001088	
XVIII	Lĩnh vực Văn hóa - Thể thao: 02 TTHC		Cấp xã
142	Thông báo tổ chức lễ hội	1.003622	
143	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	2.000794	
XIX	Lĩnh vực Thư viện: 03 TTHC		Cấp xã

144	Thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	1.008901	
145	Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng	1.008902	
146	Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng	1.008903	
XX	Lĩnh vực thành lập tổ hợp tác: 03 TTHC		Cấp xã
147	Thông báo thành lập tổ hợp tác	2.002226	
148	Thông báo thay đổi Tổ hợp tác	2.002227	
149	Thông báo chấm dứt hoạt động của Tổ hợp tác	2.002228	
XXI	Lĩnh vực Phòng chống thiên tai: 05 TTHC		Cấp xã
150	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	2.002161	
151	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	2.002162	
152	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	2.002163	
153	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.	1.010091	
154	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội.	1.010012	

XXII	Lĩnh vực Giải quyết tố cáo: 01 TTHC		Cấp xã
155	Thủ tục giải quyết tố cáo	2.002395	
XXIII	Lĩnh vực Khiếu nại: 01 TTHC		Cấp xã
156	Thủ tục Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	2.002408	
XXIV	Lĩnh vực Tiếp công dân: 01 TTHC		Cấp xã
157	Thủ tục Tiếp công dân tại cấp xã	1.010945	
XXV	Lĩnh vực Xử lý đơn thư: 01 TTHC		Cấp xã
158	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	2.002501	
XXVI	Lĩnh vực Trồng trọt: 01 TTHC		Cấp xã
159	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa		
XXVII	Lĩnh vực Chính quyền địa phương: 01 TTHC liên thông		Cấp xã
160	Thủ tục thẩm định thành lập thôn mới, tổ dân phố mới		
XXVIII	Lĩnh vực Việc làm: 01 TTHC liên thông		
161	Hỗ trợ hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh và có trong danh bạ của cơ quan thuế gặp khó khăn do đại dịch COVID-19		
XXIX	Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng: 01 TTHC liên thông		
162	Cung cấp thông tin về Quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền UBND cấp xã	1.008456	
XXX	Lĩnh vực Khoa học công nghệ và Môi trường: 01 TTHC		
163	Xác nhận hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	1.010565	
XXXI	Lĩnh vực Môi trường: 02 TTHC		
164	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường.	1.010736	
165	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	1.004082	

XXXII	Lĩnh vực Phí Bảo vệ môi trường: 01 TTHC		
166	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	1.008603	
XXXIII	Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn: 01TTHC liên thông		
167	Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng		
XXXIV	Lĩnh vực Quân sự: 07 TTHC liên thông		
168	Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu	1.001821	
169	Thủ tục đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị	1.001805	
170	Thủ tục Đăng ký nghĩa vụ quân sự bổ sung	1.001771	
171	Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đi khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập	1.001763	
172	Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đến khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập	1.001748	
173	Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng	1.001733	
174	Thủ tục đăng ký miễn gọi nhập ngũ thời chiến.	1.001720	
XXXV	Lĩnh vực Chính sách (Quân sự): 03 TTHC liên thông		
175	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30/4/1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ quân đội đã phục viên, xuất ngũ trước ngày 01/04/2000.	2.001334	

176	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc	2.000034	
177	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp 1 lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc <i>(đối tượng từ trần)</i>		
XXXVI	Lĩnh vực Dân quân tự vệ (Quân sự) -2 TTHC liên thông		
178	Trợ cấp đối với dân quân bị ốm hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị ốm dẫn đến chết	1.011064	
179	Trợ cấp đối với dân quân bị tai nạn hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị tai nạn dẫn đến chết.		
XXXVII	Lĩnh vực Động viên Quân đội: 02 TTHC không liên thông		Cấp xã
180	Đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội <i>(chủ phương tiện là cá nhân)</i>		
181	Xóa đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội <i>(chủ phương tiện là cá nhân)</i>		

XXXVIII	Lĩnh vực Phòng chống tham nhũng (3TTHC)		Cấp xã
182	Thủ tục thực hiện Kê khai tài sản thu nhập	2.002400	
183	Thủ tục yêu cầu tiếp nhận giải trình	2.002402	
184	Thủ tục thực hiện việc giải trình	2.002403	
XXXIX	Lĩnh vực Gia đình (2TTHC)		Cấp xã
185	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã) theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	1.012084	
186	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	1.012085	